TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
---*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--------*---------**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2022.
V/v tranh chấp:"Ly hôn, Nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 240 ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Q, sinh năm 1986.**

Địa chỉ thường trú: Thôn Dân P, xã Hàm K, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1988.**

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân P, xã Phong N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Thu Q trình bày***:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012, Quyển số 02/2010 ngày 22/10/2012 của UBND xã Hàm K, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận;

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm, trầm trọng, kéo dài không hòa giải được, khiến tình cảm vợ chồng không còn, do vậy ông bà đã sống ly thân, không còn tình cảm cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, nên bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày14/9/2013, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không yêu cầu ông T góp phí tổn nuôi con chung.

***Về tài sản chung*:** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật .

**Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm – Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày*:

Ông và bà Trần Thị Thu Q là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn từ năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gây gỗ cãi vã nhau, do tài chính kinh tế gia đình và nợ nần, thời gian bùng phát dịch Covid năm 2020 - 2021 ông đi làm 02 đến 03 tháng không về nhà được, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Q làm đơn xin ly hôn. Nay ông xác định vẫn còn thương vợ, không đồng ý ly hôn , và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày 14/9/2013; Nếu Tòa án vẫn giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, ông không yêu cầu tòa án giải quyết trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn.

***Về tài sản chung*:** Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

**Tòa án đã 02 lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng do vắng mặt bị đơn nên không hòa giải được.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn từ chối nhận, đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu Q yêu cầu ly hôn do vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân, không quan tâm, không còn tình cảm với nhau một thời gian dài từ năm 2018 cho đến nay, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51, 53 khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu nguyên đơn giao con chung Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày 14/9/2013 cho bà Trần Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự chưa có yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết do vậy đề nghị Tòa không xét; Các đương sự không yêu cầu giải quyết về nợ chung; đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tranh chấp nuôi con chung với Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T, có địa chỉ thường trú tại thôn Xuân P, xã Phong N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu Q và ông Nguyễn Thanh T là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 58/2012, Quyển số 02/2010 ngày 22/10/2012 của UBND xã Hàm K, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận.

Bà Q kiện xin ly hôn ông T vì cho rằng quan hệ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng mặc dù vẫn sống chung, nhưng không còn quan tâm, không còn tình cảm đã nhiều năm;

Ông Nguyễn Thanh T cũng xác định là vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị bà Q cho một cơ hội để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng bà Q vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qua lời trình bày của ác đương sự trong quá trình giải quyết vụ án , Hội đồng xét xử xét thấy : Mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được, việc ông T xác định còn tình cảm với vợ cũng không thể hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng, bởi vì tình cảm vợ chồng chỉ có thể hàn gắn được nếu xuất phát từ tình cảm tự nguyện của cả vợ và chồng, trong khi đó bà Q vẫn xác định không còn tình cảm với ông T và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy chứng tỏ đời sống chung vợ chồng của ông bà không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày 14/9/2013.

Xét thấy bà Trần Thị Thu Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, nguyện vọng con chung cũng muốn ở với mẹ, đồng thời bà Q có đầy đủ sức khỏe và khả năng lao động, hoàn toàn đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung, do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về trợ cấp nuôi con chung, do bà Q không yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét giải quyết trong vụ án. Bà Q và ông T đều có quyền khởi kiện về trợ cấp nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung*: Các đương sự khai không có tài sản chung nên Tòa không giải quyết về tài sản chung.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự khai không có nợ chung, do vậy Tòa không xét.

[5] *Về án phí:* Bà Trần Thị Thu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà Q nộp tại biên lai số 0009669 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ *Tuyên xử*:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Thu Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T;

[2]**Về con chung**: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày 14/9/2013.

Tuyên buộc ông Nguyễn Thanh T phải giao con chung Nguyễn Khải D (nữ) sinh ngày 14/9/2013 cho bà Trần Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông T và bà Q đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về trợ cấp nuôi con chung, do các đương sư không yêu cầu nên Tòa không xét.

[3] ***Về tài sản chung***: Các đương sự khai không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về nợ chung***: Các đương sự khai không có nợ chung, nên Tòa không xét.

***3/ Về án phí*:** Bà Trần Thị Thu Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà Q nộp tại biên lai số 0009669 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà Q đã nộp xong án phí**.**

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận* :**
-Tòa án Tỉnh;
-VKS Tp.Phan Thiết;
-Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND xã Hàm Kiệm;
-Đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Như Xuân